

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST  
Ngày: 27-6-2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1971 và ông Trần Văn V, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L với bà T có quan hệ quen biết từ lâu. Do bà T có làm ruộng và cần vốn để đầu tư sản xuất nên có đến nhà bà L hỏi vay tiền. Bà L đã cho bà T vay 02 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần đầu cho vay vào ngày 07/7/2022 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng; lần thứ hai cho vay vào ngày 08/7/2022 (AL) số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay đến đông xuân 2023 (khoảng tháng 01 (âm lịch) 2023), thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Bà L có viết biên nhận cho bà T ký tên là Vợ Tư V1. Đến hạn, bà T không trả vốn mà thương lượng kéo dài thời gian vay và có trả lãi được đến ngày 07/7/2023 (AL). Sau đó ngày 07/7/2023 giữa bà L và bà T thống nhất viết lại biên nhận mới với nội dung: “Vợ T1 Vốn 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu)” ngày 07/7/2023” và bà T có ghi tên: Vợ Tư V1. Hai bên có thỏa thuận đến vụ đông xuân năm 2024 thanh toán nợ nhưng chỉ thỏa thuận bên ngoài, không ghi trong biên nhận. Đến hạn bà L đòi nhiều lần nhưng bà T không trả vốn lẫn lãi.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T và chồng là ông Trần Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền vốn là 120.000.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 10%/năm từ ngày 07/7/2023 (AL) đến nay. Về việc trong đơn khởi kiện ghi khác thời gian cho vay là do đánh đơn ghi nhầm. Còn trong biên nhận nợ bà T viết tên là Vợ Tư V1 là do bà T là vợ ông Trần Văn V, ông V thứ tư nên thường gọi bà T là “Vợ Tư Vốn”, bà L cũng đã cung cấp thông tin về xác nhận của chính quyền địa phương bà Nguyễn Thị Hồng T cũng chính là Vợ Tư V1. Bà L yêu cầu chồng bà T là ông V1 cùng liên đới trả nợ là do bà T vay tiền của bà về làm ruộng là phục vụ kinh tế gia đình nên yêu cầu cả 2 vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu và T và ông V liên đới trả cho bà tiền vốn vay là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 BLTTDS; Đối với bị đơn ông V, bà T chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và 72 BLTTDS, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu bà T và ông V trả số tiền vay 120.000.000 đồng:

Bị đơn bà T, ông V dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không thể hiện ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích của ông bà trong vụ án. Do đó, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ là giấy có nội dung “Vợ Tư Vốn 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) ngày 7 tháng 7 - 2023 Vợ tư Vốn” và theo lời trình bày của bà L thì nội

dung “Vợ Tư V1 120.000.000 ...” là bà L ghi, còn nội dung “Vợ tư Vôn” phía dưới giấy là bà T ghi.

Tại giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K ngày 23/01/2025 thể hiện “ông Trần Văn V, sinh năm 1964 ngụ ấp S tên thường gọi là Tư V1. Đồng thời bà Nguyễn Thị Hồng T sinh năm 1971 là vợ ông Tư V1 là đúng”.

Ngoài ra, giấy nhận nợ bà L cung cấp tuy không thể hiện thời hạn trả nợ nhưng bà L đã thông báo cho bà T, ông V1 về việc đòi nợ qua việc bà L nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý số 222/2024/TLST-DS ngày 10/12/2024 và do chưa đủ chứng cứ nên bà L rút đơn nên Tòa án ra quyết định đình chỉ số 03/2025/QĐST-DS ngày 24/01/2025 nên nay bà L khởi kiện lại là có căn cứ.

Ông V1, bà T là vợ chồng hợp pháp, nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà L yêu cầu ông V1, bà T cùng trả nợ vay cho bà là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại phiên tòa bà L không yêu cầu về lãi suất, việc điều chỉnh yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự điều chỉnh của bà L và không xem xét đến yêu cầu về lãi suất.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Trần Văn V. Buộc bà T, ông V có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 120.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V cư trú tại ấp S, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn bà T và ông V không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia các phiên Tòa để bảo

về quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn đã được kiểm chứng tại phiên Tòa để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[3.2] Tại phiên tòa, bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu bà T và ông V liên đới nghĩa vụ trả lại cho bà L tiền vốn không yêu cầu bà T và ông V trả tiền lãi, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Hồng T (Vợ Tư V1) về việc bà T có vay của bà L số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 07/7/2023. Tuy biên nhận không thể hiện ngày trả nợ, lời trình bày của nguyên đơn cho rằng thời hạn trả nợ là đến vụ đông xuân 2024 nhưng chỉ là lời trình bày từ một phía. Tuy nhiên, theo tài liệu bà L cung cấp thì trước đây, bà L đã khởi kiện bà T và ông V1 số tiền nói trên, đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý số 222/2024/TLST-DS ngày 10/12/2024, do chưa đủ chứng cứ và bà L đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2025/QĐST-DS ngày 24/01/2025, như vậy xem như bà L đã thông báo thời gian trả nợ đối với bị đơn vào thời điểm khởi kiện nên nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông V1 thanh toán nợ là có căn cứ.

[3.4] Do bà T và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, số tiền bà T vay của bà L theo bà L trình bày là để làm ruộng, phục vụ kinh tế gia đình nên ông V1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên, bà Lê thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đã được Tòa án chấp nhận nên không xem xét xử lý tiền tạm ứng án phí.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

### 3. Về án phí:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Trần Văn V phải liên đới chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Bà Nguyễn Thị Lệ T2 đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét xử lý tiền tạm ứng án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yến Linh**